

**KẾT LUẬN**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**  
**về Kịch bản tăng trưởng kinh tế quý III và cả năm 2026**

-----

Sáu tháng đầu năm 2026, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức, áp lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội rất lớn, Đảng bộ, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực, quyết tâm, tập trung triển khai tương đối toàn diện các nhiệm vụ chính trị và đạt được nhiều kết quả tích cực. Kinh tế tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; hoạt động đối ngoại được tăng cường; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có chuyển biến; an sinh xã hội được bảo đảm; các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch tiếp tục được quan tâm. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có đổi mới, ngày càng sâu sát cơ sở, bám sát nhiệm vụ, tiến độ và kết quả thực hiện.

Tuy nhiên, kết quả tăng trưởng chưa đạt mục tiêu theo kịch bản đề ra là hạn chế, tồn tại lớn nhất trong 6 tháng đầu năm, cần tập trung khắc phục trong 6 tháng cuối năm. GRDP 6 tháng đầu năm 2026 ước tăng 8,67%, thấp hơn 2,33 điểm phần trăm so với mục tiêu tăng trưởng năm 2026 là 11%; một số ngành, lĩnh vực có quy mô và khả năng đóng góp lớn chưa phát huy đầy đủ dư địa tăng trưởng; tiến độ triển khai một số nhiệm vụ, dự án còn chậm, việc huy động và đưa các nguồn lực vào nền kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu. Những hạn chế trên tạo sức ép rất lớn đối với việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng quý III, quý IV và cả năm 2026, đòi hỏi phải quyết tâm cao hơn, hành động quyết liệt hơn, giải pháp đồng bộ, hiệu quả hơn và tổ chức thực hiện thực chất, sát tiến độ.

Để Kịch bản tăng trưởng kinh tế quý III và cả năm 2026 thực sự trở thành căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo và công cụ điều hành tăng trưởng thống nhất trong toàn tỉnh, bảo đảm tính khả thi, thực chất, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, có thể kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá trong quá trình tổ chức thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện và tập trung tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

**I- MỤC TIÊU VÀ TRỌNG TÂM**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Phấn đấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2026 theo giá so sánh năm 2020 đạt khoảng 33.826,40 tỷ đồng, tăng 11,02%; quý III đạt khoảng 8.196,09 tỷ đồng, tăng 11,67%; quý IV đạt khoảng 10.192,98 tỷ đồng, tăng 14,22%. Sáu tháng cuối năm mức tăng trưởng khoảng 13,07%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng

khoảng 4,14%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 13,39%; khu vực dịch vụ tăng khoảng 15,57%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng khoảng 7,87%.

*(Mục tiêu tăng trưởng kinh tế quý III, quý IV và cả năm 2026 theo khu vực, ngành kinh tế cấp I tại phụ lục I kèm theo Kết luận)*

## 2. Bốn trọng tâm

(1) Tạo đột phá đối với ngành Xây dựng thông qua đẩy nhanh đầu tư công, phát triển nhà ở, đô thị, hạ tầng và các dự án đầu tư ngoài ngân sách; lấy khối lượng xây lắp thực hiện, nghiệm thu, thanh toán và giải ngân làm thước đo kết quả.

(2) Phát huy tối đa dư địa của nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện; bán buôn, bán lẻ và thuế sản phẩm; chuyển nhanh năng lực, sản lượng và doanh thu tiềm năng thành giá trị tăng thêm thực tế.

(3) Tập trung khắc phục các ngành tăng trưởng thấp, nhất là kinh doanh bất động sản, vận tải, lưu trú và ăn uống; tháo gỡ vướng mắc về đất đai, quy hoạch, thủ tục đầu tư, thị trường, nguồn cung, lao động và hạ tầng.

(4) Hình thành động lực bổ sung từ du lịch, tiêu dùng, thương mại, dịch vụ, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động kích hoạt phương án dự phòng khi dự án, ngành hoặc nguồn thu chủ lực không đạt tiến độ.

## 3. Mục tiêu nguồn lực và điều hành

- Giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, bao gồm vốn được phép kéo dài; hoàn thành phân bổ chi tiết toàn bộ các nguồn vốn còn lại đúng quy định, không để vốn chờ dự án hoặc dự án chờ vốn.

- Hoàn thành, đưa vào sử dụng 09 trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp trước ngày 30/8/2026; đẩy nhanh 05 trường còn lại, Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”, các dự án ODA, chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án chuyển tiếp.

- Phân đấu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026; đẩy nhanh thu tiền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi theo quy định.

- Tổ chức thành công Hội chợ thương mại quốc tế Điện Biên năm 2026 và các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch có quy mô, sức lan tỏa; phấn đấu đón trên 1,6 triệu lượt khách, doanh thu du lịch khoảng 2.880 tỷ đồng, thời gian lưu trú bình quân khoảng 03 ngày.

## II- YÊU CẦU ĐỐI VỚI KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG QUÝ III VÀ CẢ NĂM 2026

(1) Rà soát, chuẩn hóa toàn bộ số liệu, chỉ tiêu tăng trưởng: Bảo đảm thống nhất giữa phần thuyết minh và các phụ lục; giữa các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực, khu vực, từng quý, 6 tháng cuối năm và cả năm; xác định rõ nguồn số liệu, phương pháp tính, cơ sở so sánh và khả năng kiểm chứng. Các chỉ tiêu, giá trị sản xuất, doanh thu, giá

trị xây lắp và giá trị tăng thêm đưa vào Kịch bản phải có đầy đủ căn cứ, cơ sở tính toán, bảo đảm khả năng thực hiện và được ghi nhận trong năm 2026; tuyệt đối không tính trùng, tính thiếu hoặc đưa vào Kịch bản các giá trị chưa đủ điều kiện ghi nhận.

**(2) Làm rõ phần tăng trưởng còn thiếu cần bù đắp để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt 11,02%:** Lượng hóa cụ thể phần giá trị tăng thêm còn thiếu của từng khu vực, ngành, phân ngành so với mục tiêu năm và kịch bản tăng trưởng đã đề ra; xác định rõ mức tăng thêm phải thực hiện trong quý III, quý IV để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm. Đối với các ngành kinh tế cấp I chưa đạt mục tiêu, phải đánh giá đầy đủ nguyên nhân chủ quan, khách quan; làm rõ khả năng phục hồi, dư địa tăng trưởng còn lại và xây dựng các giải pháp bù đắp cụ thể, khả thi, gắn với tiến độ thực hiện trong quý III, quý IV năm 2026 của từng cơ quan, đơn vị.

**(3) Điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng phải có căn cứ, bảo đảm tính khả thi:** Tập trung nguồn lực cho các ngành, lĩnh vực có quy mô lớn, khả năng tạo giá trị tăng thêm cao, có sức lan tỏa và đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GRDP, nhất là Xây dựng; công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện; thương mại; vận tải, kho bãi; dịch vụ lưu trú, ăn uống; kinh doanh bất động sản và du lịch. Việc điều chỉnh chỉ tiêu giữa các ngành phải căn cứ kết quả thực hiện, tiến độ triển khai dự án, khả năng hấp thụ vốn, năng lực sản xuất, thị trường tiêu thụ và khả năng tạo giá trị tăng thêm thực tế; bảo đảm khách quan, sát thực tiễn, tuyệt đối không điều chỉnh cơ học hoặc hợp thức hóa số liệu để đạt mục tiêu tăng trưởng.

**(4) Cụ thể hóa Kịch bản theo yêu cầu “6 rõ”:** Rõ người chủ trì, rõ cơ quan phối hợp, rõ nhiệm vụ, rõ sản phẩm, rõ thời gian hoàn thành và rõ trách nhiệm. Mỗi chỉ tiêu tăng trưởng phải gắn với nhiệm vụ, dự án, công trình, doanh nghiệp, sản phẩm hoặc địa bàn cụ thể; lượng hóa khối lượng thực hiện, sản phẩm đầu ra và tiến độ hoàn thành theo từng tháng, từng quý; xác định rõ cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trong từng khâu thực hiện. Không đưa vào Kịch bản các nhiệm vụ, giải pháp mang tính chung chung, không có nguồn lực bảo đảm, chưa đủ điều kiện triển khai hoặc không có khả năng tạo giá trị tăng thêm trong năm 2026.

**(5) Rà soát kỹ tiến độ và khả năng đóng góp của từng dự án động lực:** Đối với từng dự án đầu tư công, dự án ngoài ngân sách, dự án năng lượng, đô thị, thương mại, du lịch, nông nghiệp và công nghiệp chế biến, phải đánh giá đầy đủ tiến độ thực hiện, khả năng hoàn thành các thủ tục đầu tư, khối lượng thực hiện, giá trị giải ngân, thời điểm khởi công, nghiệm thu, đưa vào khai thác và phần giá trị tăng thêm dự kiến đóng góp cho tăng trưởng năm 2026. Chỉ đưa vào Kịch bản các khối lượng, sản phẩm, doanh thu và giá trị tăng thêm có đủ căn cứ, bảo đảm khả năng thực hiện và đủ điều kiện ghi nhận trong năm 2026; đồng thời xây dựng phương án chủ động điều chỉnh, thay thế hoặc bù đắp đối với các dự án có nguy cơ chậm tiến độ, không đạt mục tiêu hoặc không còn khả năng đóng góp theo Kịch bản.

**(6) Tạo đột phá thực chất đối với ngành Xây dựng:** Xác định phát triển ngành Xây dựng là nhiệm vụ trọng tâm, động lực chủ yếu, có ý nghĩa quyết định đối với việc

hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khẩn trương hoàn thành việc phân bổ toàn bộ nguồn vốn đủ điều kiện; đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, lựa chọn nhà thầu, thi công, nghiệm thu, thanh toán và giải ngân vốn đầu tư công; phần đầu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao. Xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện, giải ngân chi tiết đối với từng dự án, chủ đầu tư, từng tháng, từng quý; thường xuyên rà soát, kịp thời điều chuyển vốn từ các dự án chậm tiến độ, không có khả năng giải ngân sang các dự án có nhu cầu, đủ điều kiện và khả năng giải ngân cao hơn, bảo đảm sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

**(7) Khai thác tối đa dư địa tăng trưởng của khu vực dịch vụ:** Xác định du lịch là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh; phát huy hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, hệ thống di tích lịch sử và không gian phát triển dọc trục sông Nậm Rốm để hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, có sức cạnh tranh và khả năng tạo giá trị gia tăng cao. Các giải pháp phải hướng trực tiếp đến tăng lượng khách, kéo dài thời gian lưu trú, nâng mức chi tiêu bình quân và doanh thu dịch vụ. Gắn các hoạt động văn hóa, thương mại, thể thao và du lịch với mục tiêu phát triển kinh tế; lượng hóa sản phẩm đầu ra và giá trị tăng thêm của từng chương trình, sự kiện; bảo đảm việc tổ chức các hoạt động thực chất, hiệu quả, có khả năng thu hút khách, kích cầu tiêu dùng và thúc đẩy phát triển các ngành lưu trú, ăn uống, vận tải, thương mại và các dịch vụ liên quan.

**(8) Phản ánh đầy đủ, trung thực các nguồn lực và hoạt động kinh tế phát sinh:** Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thống kê với các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong việc thu thập, đối chiếu, xác minh và cập nhật số liệu; bảo đảm phản ánh đầy đủ, kịp thời các hoạt động kinh tế phát sinh, không để bỏ sót giá trị sản xuất, kinh doanh, xây dựng, thương mại, dịch vụ, hoạt động của doanh nghiệp và tác động của các chính sách đã được triển khai trong năm 2026. Việc bổ sung, cập nhật số liệu phải tuân thủ đúng quy định, phương pháp thống kê; có đầy đủ căn cứ, hồ sơ, tài liệu chứng minh; bảo đảm khách quan, trung thực, tuyệt đối không hợp thức hóa số liệu để đạt mục tiêu tăng trưởng.

**(9) Bảo đảm chủ động, linh hoạt và có phương án dự phòng trong điều hành:** Xây dựng phương án phần đầu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt 11,02% và phương án dự phòng để bù đắp kịp thời khi một số động lực tăng trưởng chủ yếu không đạt tiến độ hoặc không đạt mức đóng góp theo Kịch bản. Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình sản xuất, kinh doanh, thị trường, thiên tai, dịch bệnh, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và khả năng giải ngân để kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với diễn biến thực tế; lồng ghép công tác phòng, chống thiên tai vào Kịch bản tăng trưởng, xây dựng phương án duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục hồi nhanh các lĩnh vực trọng yếu khi xảy ra thiên tai hoặc các tình huống bất thường. Kiên quyết không đề xuất điều chỉnh giảm mục tiêu tăng trưởng khi chưa khai thác hết dư địa, nguồn lực và các giải pháp có khả năng thực hiện.

**(10) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu:** Người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện, trực tiếp

trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp có thẩm quyền về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi được phân công. Đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc không đạt yêu cầu, phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, phân việc còn tồn đọng và thời hạn hoàn thành; tập trung chỉ đạo khắc phục ngay các tồn tại, hạn chế. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ do thiếu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, phối hợp không chặt chẽ hoặc chậm xử lý công việc thuộc thẩm quyền thì phải xem xét, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định, gắn với đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và người đứng đầu hằng năm.

Sau Kết luận này, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế quý III và cả năm 2026 cùng các phụ lục phân công nhiệm vụ; tổ chức triển khai ngay đến các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan. Định kỳ 02 lần/tháng, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện theo từng ngành, chỉ tiêu và dự án; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, làm rõ các chỉ tiêu không đạt tiến độ, phân tăng trưởng còn thiếu, nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp khắc phục.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo việc rà soát, đối chiếu, sửa lỗi và xác nhận số liệu; chịu trách nhiệm toàn diện trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tính chính xác, thống nhất, khả thi của Kịch bản và toàn bộ phụ lục kèm theo.

### III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

#### 1. Tạo đột phá cho ngành Xây dựng và giải ngân vốn đầu tư công

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo từng chủ đầu tư lập tiến độ thực hiện và giải ngân chi tiết theo tuần, tháng, quý; xác định rõ khối lượng, giá trị nghiệm thu, thanh toán, mốc hoàn thành và người chịu trách nhiệm. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, đất đai, vật liệu xây dựng, lựa chọn nhà thầu, điều chỉnh thiết kế và thủ tục thanh toán. Kiên quyết điều chuyển vốn của dự án không có khả năng giải ngân sang dự án có tiến độ, nhu cầu và khả năng hấp thụ vốn tốt hơn; không để tình trạng giữ vốn, chậm giải ngân làm giảm tăng trưởng.

Đối với Dự án đầu tư đoạn tuyến cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang (giai đoạn 1), tập trung hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư, hồ sơ thiết kế, đánh giá tác động môi trường; đẩy nhanh bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư, di dời hạ tầng kỹ thuật và lựa chọn nhà thầu; bảo đảm tiến độ khởi công, thi công và giải ngân theo kế hoạch. Đối với các dự án trường học, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án ODA và các dự án chuyển tiếp, phải tổ chức thi công liên tục, nghiệm thu kịp thời, thanh toán ngay khối lượng đủ điều kiện.

#### 2. Đẩy nhanh các dự án đầu tư ngoài ngân sách, dự án động lực

Thiết lập cơ chế theo dõi theo từng dự án, từng thủ tục, từng mốc thời gian; cơ quan được giao chủ trì phải chủ động hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ ngay từ đầu, xử lý song song các thủ tục có thể thực hiện đồng thời. Tập trung tháo gỡ

vướng mắc về quy hoạch, đất đai, giải phóng mặt bằng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cấp phép xây dựng và đấu nối hạ tầng; rút ngắn tối đa thời gian xử lý nhưng phải bảo đảm đúng quy định.

- Đối với các dự án đô thị, thương mại, du lịch: tập trung hoàn thành điều kiện để khởi công Khu đô thị mới, du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thể thao phía Tây Bắc phường Điện Biên Phủ và Tổ hợp cáp treo kết hợp du lịch văn hóa, lịch sử Điện Biên Phủ vào ngày 02/9/2026; phân đấu khởi công Khu đô thị, thương mại, du lịch, dịch vụ và sân golf Huổi Phạ và phụ cận vào ngày 15/10/2026; đẩy nhanh các hạng mục Khu đô thị mới, phố đi bộ sân bay Mường Thanh và các dự án khu dân cư, đô thị đang triển khai.

- Đối với các dự án năng lượng: đôn đốc hoàn thành, phát điện các dự án đủ điều kiện; đẩy nhanh các dự án thủy điện Mường Tùng, Ma Thị Hồ, Chiềng Sơ 2, Nậm Mực 2, Lê Bầu 3, Na Phát; các dự án điện mặt trời Hồ Pá Khoang, Điện Biên 1, điện mặt trời trên hồ Trung Thu; điện gió Envision Nậm Pồ, Điện Biên Đông giai đoạn 1, Mường Ảng; đường dây và trạm biến áp 220kV, 500kV theo tiến độ được duyệt.

- Đối với nông nghiệp và công nghiệp chế biến: tập trung hoàn thiện thủ tục và triển khai các nhà máy chế biến mắc ca, cà phê; tổ hợp chăn nuôi, chế biến công nghệ cao và các trang trại chăn nuôi; dự án sản xuất than cốc, nhà máy xử lý rác thải và các dự án công nghiệp khác, tạo thêm năng lực sản xuất và sản phẩm có giá trị gia tăng.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Kết luận này)*

### 3. Đẩy nhanh các dự án tạo nguồn thu từ đất và phát triển thị trường bất động sản

Khẩn trương hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, xác định giá đất cụ thể, đấu giá quyền sử dụng đất và thu nghĩa vụ tài chính đối với các dự án: Khu đô thị mới Him Lam phía Đông đường 60m; Khu dân cư, dịch vụ thương mại Thanh Hưng - Thanh Chấn; Khu dân cư đô thị Mường Thanh A; Khu dân cư đô thị Him Lam 7; khu dân cư hai bên tuyến đường Thanh Minh - đồi Độc Lập và các quỹ đất đủ điều kiện. Xây dựng lịch thu cụ thể theo tuần, tháng; kịp thời xử lý hồ sơ tồn đọng, không để chậm xác định giá đất, giao đất và thu tiền sử dụng đất.

### 4. Tổ chức thực hiện kịch bản theo từng ngành kinh tế cấp I

Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh giao chỉ tiêu tăng trưởng đến từng sở, ngành, xã, phường; lượng hóa phần giá trị tăng thêm còn thiếu, xác định rõ sản phẩm, dự án, doanh nghiệp, địa bàn tạo tăng trưởng và thời điểm ghi nhận. Cơ quan thống kê phối hợp các sở, ngành hướng dẫn phương pháp thu thập, kiểm chứng, cập nhật số liệu, bảo đảm phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất, kinh doanh đã phát sinh; không bỏ sót sản phẩm, doanh thu, khối lượng xây dựng, dịch vụ và các chính sách có tác động đến giá trị tăng thêm.

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo phân công tại Phụ lục II (kèm theo Kết luận) trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc từng ngành; định kỳ làm việc với cơ

quan đầu mối, địa phương và doanh nghiệp chủ lực; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc. Việc phân công không thay thế chức năng quản lý nhà nước, trách nhiệm điều hành của UBND tỉnh, các sở, ngành và trách nhiệm của người đứng đầu.

#### 5. Khai thác tối đa dư địa nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản: bảo đảm kế hoạch mùa vụ; hoàn thành trồng mới, chuyển đổi cây trồng có giá trị; phát triển chăn nuôi tập trung quy mô lớn, thủy sản; phòng, chống dịch bệnh, thiên tai; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê, mắc ca và các sản phẩm chủ lực.

- Công nghiệp: khai thác hợp lý khoáng sản, bảo đảm cung ứng vật liệu xây dựng thông thường cho các dự án trọng điểm; duy trì công suất các cơ sở chế biến hiện có, thu hút đầu tư các dự án đầu tư chế biến nông sản (cà phê, mắc ca, dứa...); hỗ trợ doanh nghiệp về kết nối, thị trường và đào tạo lao động; đẩy nhanh các dự án nguồn, lưới điện; bảo đảm cung ứng điện ổn định; nâng cao hiệu quả cung cấp nước và xử lý chất thải.

- Thương mại, vận tải, lưu trú và ăn uống: kích cầu tiêu dùng; tổ chức hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại; phát triển thương mại điện tử, logistics và vận tải; tăng chuyến bay, nâng cao chất lượng kết nối; đa dạng hóa sản phẩm lưu trú, ẩm thực, mua sắm và kinh tế ban đêm.

- Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm: điều hành tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng vốn vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dự án động lực; tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và người dân; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm.

- Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số: ưu tiên nhiệm vụ có khả năng ứng dụng ngay vào sản xuất, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, du lịch, thương mại và quản trị công; hình thành sản phẩm đầu ra đo đếm được, không bỏ trí nguồn lực cho nhiệm vụ dàn trải, hiệu quả thấp.

#### 6. Phát triển du lịch trở thành động lực tăng trưởng mới

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch; chuyển mạnh từ tăng số lượng khách sang nâng cao giá trị trên mỗi lượt khách, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu. Ưu tiên chỉnh trang không gian đô thị lịch sử Điện Biên Phủ; phát huy giá trị hệ thống Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ; phát triển sản phẩm du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái, cộng đồng, kinh tế ban đêm; tổ chức các chương trình văn hóa, nghệ thuật, thể thao có chất lượng cao và khả năng trở thành thương hiệu của tỉnh.

Ngân sách nhà nước tập trung cho hạ tầng công cộng, bảo tồn di tích, chỉnh trang đô thị, chuyển đổi số và tạo lập không gian phát triển; doanh nghiệp giữ vai trò chủ lực đầu tư sản phẩm, dịch vụ, cơ sở lưu trú, vui chơi, giải trí, mua sắm. Ưu tiên các dự án, sản phẩm có thể đưa vào khai thác trong năm 2026-2027 để sớm tạo doanh thu và giá trị tăng thêm.

## 7. Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách và kỷ luật tài chính

Quản lý chặt chẽ nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; khai thác hiệu quả các khoản thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, sản xuất, kinh doanh, thương mại và du lịch. Điều hành chi đúng dự toán, định mức, tiêu chuẩn; ưu tiên đầu tư phát triển, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp thiết; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, không đề xuất nhiệm vụ chi khi chưa xác định rõ nguồn bảo đảm.

## IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Theo lĩnh vực, địa bàn và ngành kinh tế cấp I được phân công, trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, làm việc với cơ quan, đơn vị, địa phương, nhà đầu tư, doanh nghiệp để xử lý khó khăn, vướng mắc. Hằng tháng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả, nguy cơ không hoàn thành và giải pháp xử lý.

### 2. Đảng ủy UBND tỉnh

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện, ban hành kế hoạch điều hành chi tiết theo phụ lục thực hiện Kịch bản; phân công cụ thể đến từng đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh, sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, từng sở, ban, ngành, địa phương phải xây dựng kịch bản tăng trưởng của cơ quan, đơn vị mình, xác định rõ chỉ tiêu đóng góp, nhiệm vụ trọng tâm, dự án, sản phẩm tạo tăng trưởng, mốc thời gian hoàn thành và trách nhiệm của tập thể, cá nhân; bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Kịch bản tăng trưởng chung của tỉnh.

Trước khi ban hành, phải tổ chức đối chiếu, thẩm định nội bộ toàn bộ số liệu; Sở Tài chính và cơ quan thống kê xác nhận số liệu tổng hợp, các sở, ngành xác nhận số liệu chuyên ngành, tiến độ và tính khả thi của từng nhiệm vụ, dự án.

Báo cáo nhanh kết quả và vấn đề phát sinh vào ngày 15, báo cáo tổng hợp gửi Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 28 hằng tháng; cập nhật số liệu chính thức sau khi kết thúc tháng. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, có nguy cơ ảnh hưởng mục tiêu tăng trưởng chung, phải kịp thời báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo.

3. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh kịp thời xem xét, quyết định theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, phương án phân bổ, điều chỉnh nguồn lực phục vụ mục tiêu tăng trưởng. Tăng cường giám sát việc thực hiện Kịch bản, trọng tâm là tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện dự toán ngân sách, các chương trình, dự án trọng điểm và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị liên quan.

4. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ nhiệm vụ, dự án trên địa bàn. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; trường hợp có nguy cơ không hoàn thành phải báo cáo sớm, xác định nguyên nhân, phân việc còn thiếu và phương án bù đắp.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, theo chức năng, nhiệm vụ, tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kết luận này. Kịp thời phát hiện, tham mưu xem xét, xử lý đối với tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, để chậm tiến độ do nguyên nhân chủ quan, báo cáo không trung thực hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, theo dõi kết quả thực hiện Kịch bản tăng trưởng của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu; tham mưu gắn kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án được giao với việc đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cán bộ. Kịp thời tham mưu xem xét trách nhiệm, điều chuyển, bố trí công tác khác hoặc thay thế đối với cán bộ năng lực hạn chế, thiếu quyết liệt, thiếu trách nhiệm, để nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong Kịch bản tăng trưởng.

7. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, quán triệt, tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kịch bản tăng trưởng; vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia sản xuất, kinh doanh, giải phóng mặt bằng, triển khai các dự án, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời phản ánh, đề xuất xử lý những vấn đề phát sinh; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp phần tạo đồng thuận và quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng năm 2026.

#### 8. Văn phòng Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp Đảng ủy UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; tham mưu Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện của từng ngành, dự án, cơ quan, địa phương và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công phụ trách; báo cáo rõ tiến độ, sản phẩm, phần còn thiếu, nguyên nhân và trách nhiệm.

Kết luận này được phổ biến đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương để nghiêm túc triển khai thực hiện.

#### Nơi nhận:

- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- HĐND tỉnh; UBND tỉnh
- MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

**PHÓ BÍ THƯ**



**Lê Thành Đô**

**PHỤ LỤC 01**  
**MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ QUÝ III, QUÝ IV**  
**VÀ CẢ NĂM 2026 THEO KHU VỰC, NGÀNH KINH TẾ CẤP I**  
*(Kèm theo Kết luận số 121-KL/TU, ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

**A- MỤC TIÊU TỔNG THỂ THEO KHU VỰC KINH TẾ**

| STT | Khu vực/ngành kinh tế                         | Quý III/2026    |              | Quý IV/2026      |              | 6 tháng cuối năm 2026 |              | Cả năm 2026      |              |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------|--------------|------------------|--------------|-----------------------|--------------|------------------|--------------|
|     |                                               | Giá trị         | Tăng (%)     | Giá trị          | Tăng (%)     | Giá trị               | Tăng (%)     | Giá trị          | Tăng (%)     |
|     | <b>Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)</b> | <b>8.196,09</b> | <b>11,67</b> | <b>10.192,98</b> | <b>14,22</b> | <b>18.389,07</b>      | <b>13,07</b> | <b>33.826,40</b> | <b>11,02</b> |
| 2   | Khu vực I: Nông, lâm nghiệp và thủy sản       | 769,85          | 4,20         | 1.748,22         | 4,12         | 2.518,07              | 4,14         | 5.186,23         | 4,15         |
| 3   | Khu vực II: Công nghiệp và xây dựng           | 1.710,08        | 11,84        | 2.235,61         | 14,61        | 3.945,69              | 13,39        | 6.496,60         | 13,21        |
| -   | <i>Trong đó: Công nghiệp</i>                  | <i>825,37</i>   | <i>11,30</i> | <i>901,95</i>    | <i>10,25</i> | <i>1.727,32</i>       | <i>10,75</i> | <i>2.776,45</i>  | <i>12,09</i> |
| -   | <i>Trong đó: Xây dựng</i>                     | <i>884,71</i>   | <i>12,35</i> | <i>1.333,66</i>  | <i>17,76</i> | <i>2.218,37</i>       | <i>15,54</i> | <i>3.720,14</i>  | <i>14,05</i> |
| 4   | Khu vực III: Dịch vụ                          | 5.373,79        | 13,04        | 5.787,33         | 18,03        | 11.161,12             | 15,57        | 20.742,10        | 12,43        |
| 5   | Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm            | 342,36          | 7,74         | 421,83           | 7,97         | 764,19                | 7,87         | 1.401,47         | 7,62         |

**B- MỤC TIÊU THEO NGÀNH KINH TẾ CẤP I**

| STT | Mã | Khu vực/ngành kinh tế               | Quý III/2026 |          | Quý IV/2026 |          | 6 tháng cuối năm 2026 |          | Cả năm 2026 |          | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                            |
|-----|----|-------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------|-----------------------|----------|-------------|----------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                     | Giá trị      | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) | Giá trị               | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) |                              |                                                                             |
| 1   | A  | Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản | 769,85       | 4,20     | 1.748,22    | 4,12     | 2.518,07              | 4,14     | 5.186,23    | 4,15     | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Công Thương; Sở KH&CN; UBND xã, phường; doanh nghiệp, HTX; Thống kê tỉnh |

| STT | Mã | Khu vực/ngành kinh tế                                                          | Quý III/2026 |          | Quý IV/2026 |          | 6 tháng cuối năm 2026 |          | Cả năm 2026 |          | Cơ quan chủ trì                           | Cơ quan phối hợp                                                                              |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------|-----------------------|----------|-------------|----------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                | Giá trị      | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) | Giá trị               | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) |                                           |                                                                                               |
| 2   | B  | Khai khoáng                                                                    | 36,07        | 5,91     | 57,24       | 12,36    | 93,31                 | 9,78     | 140,59      | 7,20     | Sở Công Thương                            | Sở NN&MT; Sở Xây dựng; UBND địa phương; doanh nghiệp khai khoáng; Thống kê tỉnh               |
| 3   | C  | Công nghiệp chế biến, chế tạo                                                  | 282,50       | 10,15    | 316,62      | 12,83    | 599,12                | 11,55    | 1.195,14    | 13,81    | Sở Công Thương                            | Sở NN&MT; Sở KH&CN; Thuế tỉnh; doanh nghiệp sản xuất; UBND địa phương; Thống kê tỉnh          |
| 4   | D  | Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 479,20       | 12,80    | 492,30      | 8,40     | 971,50                | 10,53    | 1.322,42    | 11,43    | Sở Công Thương                            | Công ty Điện lực Điện Biên; chủ đầu tư thủy điện, điện mặt trời, điện gió; EVN; Thống kê tỉnh |
| 5   | E  | Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải                  | 27,60        | 5,46     | 35,80       | 10,52    | 63,40                 | 8,26     | 118,30      | 8,72     | Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường | UBND địa phương; đơn vị cấp nước, xử lý rác; doanh nghiệp; Thống kê tỉnh                      |
| 6   | F  | Xây dựng                                                                       | 884,71       | 12,35    | 1.333,66    | 17,76    | 2.218,37              | 15,54    | 3.720,14    | 14,05    | Sở Xây dựng                               | Sở Tài chính; Kho bạc; Ban QLDA; UBND địa phương; chủ đầu tư, nhà thầu; Thống kê tỉnh         |

| STT | Mã | Khu vực/ngành kinh tế                                                | Quý III/2026 |          | Quý IV/2026 |          | 6 tháng cuối năm 2026 |          | Cả năm 2026 |          | Cơ quan chủ trì                              | Cơ quan phối hợp                                                                             |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------|-----------------------|----------|-------------|----------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                      | Giá trị      | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) | Giá trị               | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) |                                              |                                                                                              |
| 7   | G  | Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 779,78       | 14,31    | 728,49      | 15,74    | 1.508,26              | 15,00    | 2.832,08    | 13,90    | Sở Công Thương                               | Thuế tỉnh; Sở VH-TT-DL; UBND địa phương; doanh nghiệp, hộ kinh doanh; Thống kê tỉnh          |
| 8   | H  | Vận tải và kho bãi                                                   | 249,29       | 12,85    | 261,17      | 17,91    | 510,46                | 15,38    | 958,42      | 13,51    | Sở Xây dựng                                  | Sở Công Thương; Sở VH-TT-DL; doanh nghiệp vận tải; cảng hàng không; bưu chính; Thống kê tỉnh |
| 9   | I  | Dịch vụ lưu trú và ăn uống                                           | 320,97       | 15,31    | 413,40      | 55,56    | 734,37                | 34,97    | 1.636,56    | 19,08    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch              | Sở Công Thương; UBND địa phương; cơ sở lưu trú, ăn uống, lữ hành; Thuế tỉnh; Thống kê tỉnh   |
| 10  | J  | Thông tin và truyền thông                                            | 350,17       | 13,00    | 281,27      | 17,11    | 631,44                | 14,79    | 1.262,69    | 11,26    | Sở Khoa học và Công nghệ                     | Sở VH-TT-DL; Viettel, VNPT, MobiFone, FPT Telecom, VNPost, Báo và Đài PT-TH; Thống kê tỉnh   |
| 11  | K  | Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm                           | 331,98       | 7,35     | 414,49      | 8,63     | 746,47                | 8,05     | 1.266,77    | 7,47     | Ngân hàng Nhà nước khu vực XII; Sở Tài chính | Các ngân hàng, quỹ tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm; BHXH tỉnh; Thuế tỉnh; Thống kê tỉnh      |

| STT | Mã | Khu vực/ngành kinh tế                                                                                          | Quý III/2026 |          | Quý IV/2026 |          | 6 tháng cuối năm 2026 |          | Cả năm 2026 |          | Cơ quan chủ trì                           | Cơ quan phối hợp                                                                                |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------|-----------------------|----------|-------------|----------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                | Giá trị      | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) | Giá trị               | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) |                                           |                                                                                                 |
| 12  | L  | Hoạt động kinh doanh bất động sản                                                                              | 670,99       | 15,60    | 752,82      | 17,61    | 1.423,81              | 16,65    | 2.493,96    | 11,49    | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng | Trung tâm PTQĐ; Sở Tài chính; Thuế tỉnh; UBND địa phương; nhà đầu tư; Thống kê tỉnh             |
| 13  | M  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ                                                                    | 174,44       | 14,61    | 208,47      | 16,47    | 382,90                | 15,61    | 646,39      | 12,37    | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Sở Xây dựng; Sở Tư pháp; tổ chức tư vấn, thiết kế, kiểm định; doanh nghiệp KH&CN; Thống kê tỉnh |
| 14  | N  | Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ                                                                         | 28,94        | 32,27    | 27,82       | 34,20    | 56,75                 | 33,21    | 107,73      | 23,96    | Sở Tài chính; UBND các xã, phường         | Các doanh nghiệp dịch vụ hỗ trợ; UBND địa phương; Thuế tỉnh; Thống kê tỉnh                      |
| 15  | O  | Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc | 1.035,98     | 13,93    | 1.085,15    | 15,70    | 2.121,12              | 14,83    | 4.003,79    | 12,65    | Sở Tài chính                              | Các cơ quan Đảng, MTTQ, đoàn thể; Công an tỉnh; Bộ CHQS tỉnh; BHXH tỉnh; Kho bạc; Thống kê tỉnh |
| 16  | P  | Giáo dục và đào tạo                                                                                            | 839,59       | 9,77     | 909,40      | 18,87    | 1.748,99              | 14,32    | 3.147,23    | 12,34    | Sở Giáo dục và Đào tạo                    | UBND địa phương; cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập; Ban QLDA; Thống kê tỉnh               |

| STT | Mã | Khu vực/ngành kinh tế                                                                                    | Quý III/2026 |          | Quý IV/2026 |          | 6 tháng cuối năm 2026 |          | Cả năm 2026 |          | Cơ quan chủ trì                    | Cơ quan phối hợp                                                                              |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|-------------|----------|-----------------------|----------|-------------|----------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                          | Giá trị      | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) | Giá trị               | Tăng (%) | Giá trị     | Tăng (%) |                                    |                                                                                               |
| 17  | Q  | Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội                                                                        | 449,88       | 10,72    | 558,10      | 10,87    | 1.007,99              | 10,80    | 1.860,45    | 10,12    | Sở Y tế                            | BHXXH tỉnh; cơ sở y tế công lập, tư nhân; Sở Nội vụ; UBND địa phương; Thống kê tỉnh           |
| 18  | R  | Nghệ thuật, vui chơi và giải trí                                                                         | 40,81        | 12,64    | 33,82       | 13,58    | 74,63                 | 13,07    | 129,31      | 10,52    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch    | Sở GD&ĐT; UBND địa phương; doanh nghiệp sự kiện, thể thao, giải trí; Thuế tỉnh; Thống kê tỉnh |
| 19  | S  | Hoạt động dịch vụ khác                                                                                   | 91,25        | 24,55    | 100,17      | 28,37    | 191,42                | 26,52    | 354,32      | 22,02    | Sở Tài chính; UBND các xã, phường  | Sở Công Thương; Sở VH-TT-DL; hiệp hội; hộ kinh doanh; Thuế tỉnh; Thống kê tỉnh                |
| 20  | T  | Hoạt động làm thuê trong hộ gia đình; sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình | 9,73         | 11,73    | 12,78       | 16,02    | 22,51                 | 14,13    | 42,41       | 8,24     | Thống kê tỉnh; UBND các xã, phường | UBND địa phương; hộ mẫu điều tra; cơ quan lao động; Thống kê tỉnh                             |
| 21  | U  | Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế                                                             | —            | —        | —           | —        | —                     | —        | —           | —        |                                    |                                                                                               |

**Ghi chú:**

1. Giá trị tính theo giá so sánh năm 2020, đơn vị: tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.
2. Các chỉ tiêu tại Phụ lục này là mức tối thiểu phải phấn đấu hoàn thành và là căn cứ để giao nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra, đánh giá trách nhiệm. Việc điều chỉnh giữa các ngành phải có căn cứ, xác định rõ nguồn bù đắp, không làm giảm mục tiêu tăng trưởng chung.

3. Ngành U - Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế không phát sinh giá trị tăng thêm trên địa bàn tỉnh, không giao chỉ tiêu tăng trưởng.
4. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan thống kê, tài chính và các sở chuyên ngành rà soát, xác nhận, cập nhật số liệu thực hiện định kỳ; trường hợp có sai lệch phải báo cáo kịp thời, không tự điều chỉnh số liệu chốt.

## PHỤ LỤC 02

**PHÂN CÔNG CÁC ĐỒNG CHÍ THƯỜNG TRỰC, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY  
THEO DÕI, CHỈ ĐẠO CÁC NGÀNH, PHÂN NGÀNH TRONG KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG QUÝ III NĂM 2026**

(Kèm theo Kết luận số 121/KL/TU, ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

*Nguyên tắc phân công: 04 đồng chí Thường trực Tỉnh ủy phụ trách chung, chỉ đạo toàn diện Kịch bản; các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp theo dõi, chỉ đạo ngành, phân ngành phù hợp với chức vụ hiện nay, lĩnh vực công tác và kinh nghiệm; không thay thế trách nhiệm tổ chức thực hiện của Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương.*

| STT                                           | Đồng chí Thường trực/UVBTU Tỉnh ủy                                                                      | Mã ngành       | Ngành kinh tế cấp I/nhóm chỉ tiêu được phân công phụ trách                          | Cơ quan đầu mối tham mưu                                                                       | Trọng tâm theo dõi, chỉ đạo                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY PHỤ TRÁCH CHUNG</b> |                                                                                                         |                |                                                                                     |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1                                             | <b>Trần Tiến Dũng</b><br>Ủy viên BCH<br>Trung ương Đảng,<br>Bí thư Tỉnh ủy,<br>Trưởng đoàn<br>ĐBQH tỉnh | <b>Toàn bộ</b> | Chỉ đạo chung toàn bộ Kịch bản tăng trưởng quý III và cả năm 2026.                  | Văn phòng Tỉnh ủy; Đảng ủy UBND tỉnh; Sở Tài chính; Thống kê tỉnh.                             | Chỉ đạo toàn diện; quyết định mục tiêu, phương án điều chỉnh và nguồn bù giữa các ngành; trực tiếp xử lý điểm nghẽn liên ngành, dự án động lực, giải phóng mặt bằng, vật liệu, thủ tục đầu tư; xem xét trách nhiệm người đứng đầu khi không hoàn thành nhiệm vụ.                  |
| 2                                             | <b>Lê Thành Đô</b><br>Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh                                | <b>Toàn bộ</b> | Phụ trách chung về kiểm tra, giám sát, cơ chế, chính sách và trách nhiệm thực hiện. | Văn phòng Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh; Sở Tài chính; Thống kê tỉnh.      | Theo dõi việc cụ thể hóa chủ trương của Tỉnh ủy, nghị quyết của HĐND tỉnh; giám sát tiến độ, hiệu quả sử dụng nguồn lực, việc thực hiện các cam kết và mốc sản phẩm; chỉ đạo cảnh báo sớm, chất vấn và yêu cầu phương án bù đối với chỉ tiêu có nguy cơ không hoàn thành.         |
| 3                                             | <b>Lê Văn Lương</b><br>Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh                                           | <b>Toàn bộ</b> | Trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện toàn bộ Kịch bản.                               | Đảng ủy UBND tỉnh; UBND tỉnh; Sở Tài chính; các sở, ngành; UBND các xã, phường; Thống kê tỉnh. | Tổ chức điều hành theo tuần, tháng; giao chỉ tiêu, sản phẩm, thời hạn và trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị; chỉ đạo cập nhật số liệu, nghiệm thu, thanh toán, giải ngân; chủ động điều chuyển nguồn lực, xử lý phần hụt và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |

| STT                                                                               | Đồng chí Thường trực/UVBTV Tỉnh ủy                                                                                        | Mã ngành       | Ngành kinh tế cấp I/nhóm chỉ tiêu được phân công phụ trách                                                                                                  | Cơ quan đầu mối tham mưu                                                                                                                               | Trọng tâm theo dõi, chỉ đạo                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4                                                                                 | <b>Mùa A Vãng</b><br><i>Ủy viên dự khuyết BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh</i> | <b>Toàn bộ</b> | Phụ trách chung về dân vận, Mặt trận, địa bàn cơ sở và huy động sự tham gia của Nhân dân.                                                                   | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; đảng ủy các xã, phường; Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh.                                        | Chỉ đạo tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận xã hội; huy động hệ thống Mặt trận, đoàn thể và cấp xã tham gia tháo gỡ khó khăn; theo dõi khu vực hộ, kinh tế cá thể, sinh kế, việc làm, dịch vụ cộng đồng; bảo đảm phản ánh đầy đủ giá trị phát sinh tại cơ sở.                  |
| <b>II. CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY PHỤ TRÁCH NGÀNH, PHÂN NGÀNH</b> |                                                                                                                           |                |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5                                                                                 | <b>Nguyễn Sỹ Quân</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy</i>                                    | <b>P</b>       | Giáo dục và đào tạo; đồng thời theo dõi kỷ luật số liệu và trách nhiệm thực hiện toàn Kịch bản.                                                             | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính; các ban quản lý dự án; UBND các xã, phường; Thống kê tỉnh.                              | Theo dõi tiến độ các dự án trường học, nhất là 09 trường nội trú liên cấp; quy mô và chất lượng dịch vụ giáo dục công lập, ngoài công lập; chi đúng kỳ, giải ngân, nghiệm thu; kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo, tính trung thực của số liệu và trách nhiệm người đứng đầu. |
| 6                                                                                 | <b>Phạm Đức Toàn</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy</i>                                            | <b>N; O</b>    | Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước và bảo đảm xã hội bắt buộc (khối tổ chức, bộ máy). | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; các cơ quan Đảng, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội; UBND các xã, phường; Thống kê tỉnh.                | Theo dõi tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, chế độ, chính sách; chất lượng hoạt động hành chính, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, việc làm, vệ sinh, bảo vệ, hỗ trợ văn phòng; bảo đảm phản ánh đầy đủ giá trị tăng thêm của khu vực công và dịch vụ hỗ trợ.                       |
| 7                                                                                 | <b>Chu Xuân Trường</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy</i>                                        | <b>B; L; M</b> | Khai khoáng; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ.                                                                | Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh; Thống kê tỉnh.                        | Theo dõi pháp lý mỏ, nguồn vật liệu và sản lượng khai thác; quy hoạch, đất đai, định giá, giải phóng mặt bằng và giao dịch bất động sản; hợp đồng tư vấn, thiết kế, đo đạc, kiểm định, khoa học - công nghệ; phòng ngừa sai phạm, thất thoát, lãng phí và lợi ích nhóm.           |
| 8                                                                                 | <b>Vừ A Bằng</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy</i>                                  | <b>J; R</b>    | Thông tin và truyền thông; Nghệ thuật, vui chơi và giải trí.                                                                                                | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên; Thống kê tỉnh. | Chỉ đạo hạ tầng số, viễn thông, dịch vụ thông tin, truyền thông quảng bá; tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí; phát triển sản phẩm truyền thông số, du lịch đêm; theo dõi doanh thu và giá trị tăng thêm thực tế.                            |

| STT | Đồng chí Thường trực/UVBT Tỉnh ủy                                                                           | Mã ngành                | Ngành kinh tế cấp I/nhóm chỉ tiêu được phân công phụ trách                                                                                                  | Cơ quan đầu mối tham mưu                                                                                                                  | Trọng tâm theo dõi, chỉ đạo                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9   | <b>Lò Văn Cương</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh</i>                       | <b>A; C; E; F</b>       | Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải; Xây dựng.                                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; các ban quản lý dự án; Thống kê tỉnh.                            | Chỉ đạo sản xuất mùa vụ, cây trồng chủ lực, chăn nuôi, thủy sản; công suất và sản lượng chế biến; cấp nước, môi trường; khối lượng xây lắp, đầu tư công, dự án ngoài ngân sách, vật liệu, nghiệm thu, thanh toán và giải ngân.                                                                       |
| 10  | <b>Cao Thị Tuyết Lan</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh</i>                              | <b>K; Thuế sản phẩm</b> | Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm.                                                                             | Sở Tài chính; Ngân hàng Nhà nước khu vực; Thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước; Bảo hiểm xã hội tỉnh; cơ quan Hải quan; Thống kê tỉnh.             | Theo dõi tăng trưởng tín dụng, huy động vốn, dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm; giám sát cân đối ngân sách, thu đúng, thu đủ, chống thất thu, nợ đọng; kiểm soát nguồn thu đất, tài nguyên, thương mại; phân biệt rõ thu ngân sách với thuế sản phẩm trong GRDP.                                         |
| 11  | <b>Lò Thị Minh Phượng</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh</i> | <b>Q; S; T</b>          | Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; Hoạt động dịch vụ khác; Hoạt động làm thuê trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình. | Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Sở Y tế; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Bảo hiểm xã hội tỉnh; UBND các xã, phường; Thống kê tỉnh.                    | Theo dõi khám, chữa bệnh, y tế cơ sở, dịch vụ y tế ngoài công lập, trợ giúp xã hội; dịch vụ cá nhân, sửa chữa, hoạt động hội; việc làm hộ gia đình, sản phẩm tự sản, tự tiêu; huy động Mặt trận, đoàn thể và cơ sở rà soát, không bỏ sót giá trị phát sinh.                                          |
| 12  | <b>Vũ Văn Đẩu</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh</i>                                      | <b>D; H; O</b>          | Sản xuất và phân phối điện; Vận tải và kho bãi; Hoạt động quản lý nhà nước, an ninh, trật tự (phần thuộc lĩnh vực công an).                                 | Công an tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở Nội vụ; Cảng hàng không Điện Biên; doanh nghiệp vận tải, kho bãi, logistics; Thống kê tỉnh. | Theo dõi sản lượng điện, tiến độ dự án năng lượng; sản lượng vận tải đường bộ, đường thủy, hàng không, kho bãi và logistics; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an ninh kinh tế; tháo gỡ vướng mắc lưu thông hàng hóa, vật liệu và khách du lịch; phản ánh đầy đủ hoạt động công an trong ngành O. |
| 13  | <b>Trịnh Đức Thiêm</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</i>                | <b>O</b>                | Hoạt động quản lý nhà nước, quốc phòng, quân sự địa phương và phòng thủ dân sự.                                                                             | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan; Thống kê tỉnh.                                           | Theo dõi hoạt động quốc phòng, quân sự địa phương, phòng thủ dân sự, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; chế độ, chính sách và chi phí hoạt động hợp lệ; phối hợp thống kê đầy đủ giá trị tăng thêm thuộc lĩnh vực quốc phòng trong ngành O.                                                             |

| STT | Đồng chí Thường<br>trực/UVBTV Tỉnh<br>ủy                                                                                       | Mã<br>ngành | Ngành kinh tế cấp I/nhóm chỉ tiêu được<br>phân công phụ trách                  | Cơ quan đầu mối tham mưu                                                                                                                                            | Trọng tâm theo dõi, chỉ đạo                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14  | <b>Nguyễn Quang<br/>Hưng</b><br><i>Ủy viên BTV Tỉnh<br/>ủy, Bí thư Đảng ủy,<br/>Chủ tịch HĐND<br/>phường Điện Biên<br/>Phủ</i> | <b>G; I</b> | Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe<br>máy; Dịch vụ lưu trú và ăn uống. | Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể<br>thao và Du lịch; Thuế tỉnh; Trung<br>tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và<br>Du lịch; UBND phường Điện Biên<br>Phủ; Thống kê tỉnh. | Chỉ đạo kích cầu tiêu dùng, tổng mức bán lẻ,<br>thương mại điện tử, chợ và tuyến phố thương<br>mại; phát triển sản phẩm du lịch đô thị, kinh tế<br>ban đêm; theo dõi lượt khách lưu trú, ngày<br>phòng, công suất phòng, chi tiêu và doanh thu<br>có hóa đơn. |

**PHỤ LỤC 03A**  
**CÁC DỰ ÁN NGOÀI NGÂN SÁCH THỰC HIỆN NING TIÊU TĂNG TRƯỞNG QUÝ III VÀ CẢ NĂM 2026 LĨNH VỰC ĐÔ THỊ, DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 121 -KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| TT | Danh mục các công trình, dự án                                                                   | Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt thông tin dự án | Tổng mức đầu tư/Vốn đăng ký | Công việc thực hiện                                                                                                                 | Đơn vị thực hiện (Nhà đầu tư)                        | Cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp | Cơ quan phối hợp                                                                                                                     | Quý III<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) |         |         | Quý IV<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) |          |          | Cả năm 2026<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|---------|----------------------------------------------------------|----------|----------|---------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                  |                                                                    |                             |                                                                                                                                     |                                                      |                                             |                                                                                                                                      | Tháng 7                                                   | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10                                                 | Tháng 11 | Tháng 12 |                                                               |
| I  | <b>CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM KHẨN TRƯƠNG ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ HOÀN THIỆN THỦ TỤC, KHỞI CÔNG XÂY DỰNG</b> |                                                                    | 27,494.148                  | -                                                                                                                                   | -                                                    | -                                           | -                                                                                                                                    | 60                                                        | 180     | 250     | 200                                                      | 300      | 430      | 1,420                                                         |
| 1  | Dự án Khu đô thị mới, du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thể thao phía Tây Bắc phường Điện Biên Phủ   | 2877/QĐ-UBND ngày 19/12/2025                                       | 23,660.786                  | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ | Công ty CP phát triển thành phố xanh                 | Sở Xây dựng                                 | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ, UBND xã Thanh Nưa và các đơn vị liên quan                     | 50                                                        | 100     | 120     | 130                                                      | 170      | 200      | 770                                                           |
| 2  | Dự án Tổ hợp cáp treo kết hợp du lịch văn hóa lịch sử Điện Biên Phủ                              | 938/QĐ-UBND ngày 07/5/2026                                         | 2,076                       | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ | Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sa Pa | Sở Xây dựng                                 | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các xã Mường Phăng, Pú Nhi và các đơn vị liên quan | 10                                                        | 70      | 120     | 50                                                       | 100      | 200      | 550                                                           |
| 3  | Dự án Khu đô thị, thương mại, du lịch, dịch vụ và sân golf Huổi Phạ và phụ cận                   | 700/QĐ-UBND ngày 04/4/2026                                         | 1,757.362                   | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ | Công ty cổ phần Tập đoàn Mường Thanh                 | Sở Xây dựng                                 | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ và các đơn vị liên quan                                        |                                                           | 10      | 10      | 20                                                       | 30       | 30       | 100                                                           |
| II | <b>NHÓM DỰ ÁN ĐANG VÀ CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI THI CÔNG XÂY DỰNG</b>                                  |                                                                    | 6,217.7                     |                                                                                                                                     |                                                      |                                             |                                                                                                                                      | 91.7                                                      | 175.3   | 253.0   | 160.8                                                    | 214.0    | 275.7    | 1,171                                                         |
| 1  | Khu đô thị mới, phố đi bộ sân bay Mường Thanh                                                    | 711/QĐ-UBND ngày 11/4/2025                                         | 672.134                     | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ | Công ty TNHH Đức Hải Điện Biên                       | Sở Xây dựng                                 | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ và các đơn vị liên quan                                        | 10                                                        | 15      | 20      | 10                                                       | 20       | 20       | 95                                                            |

|   |                                                                                                          |                                                           |           |                                                                                                                                                                         |                                                          |             |                                                                                               |    |    |    |    |    |    |     |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|----|----|-----|
| 2 | Bệnh viện đa khoa tư nhân Thăng Long Điện Biên (BV đa khoa cuộc sống điện biên)                          | 789/QĐ-UBND ngày 20/9/2018; số 504/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 | 446.517   | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ. Tháng 8/2026 tổ chức khai trương   | Công ty Cổ Phần Văn Long                                 | Sở Xây dựng | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ và các đơn vị liên quan | 20 | 20 | 20 |    |    |    | 60  |
| 3 | Chợ và thương mại dịch vụ Mường thanh                                                                    | 988/QĐ-UBND ngày 03/6/2022; 1169/QĐ-UBND ngày 07/6/2026   | 193.154   | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ                                     | Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng NQT Quảng Ninh    | Sở Xây dựng | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ và các đơn vị liên quan | 1  | 2  |    |    |    |    | 3   |
| 4 | Nhà máy chế biến tinh bột và cồn tại phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên                                    | 2088/QĐ-UBND ngày 15/9/2025                               | 330.000   | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ. Đầu tháng 8/2026 tổ chức khởi công | Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Mường Lay - Điện Biên | Sở Xây dựng | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Mường Lay và các đơn vị liên quan     | 5  | 7  | 9  | 13 | 17 | 20 | 70  |
| 5 | Tòa nhà Viettel Điện Biên                                                                                | 1442/QĐ-UBND ngày 04/7/2025                               | 75.736    | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ                                     | Tập đoàn Công nghiệp -Viễn thông Quân đội                | Sở Xây dựng | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ và các đơn vị liên quan |    | 5  | 10 | 8  | 10 | 12 | 45  |
| 6 | Xây dựng trung tâm khai thác vận chuyển Bưu điện                                                         | 1543/QĐ-UBND ngày 16/7/2026                               | 14.927    | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ                                     | Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam                           | Sở Xây dựng | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ và các đơn vị liên quan | 1  | 3  | 3  | 2  | 4  | 4  | 15  |
| 7 | Khu dân cư đô thị, thương mại dịch vụ tổ dân phố 17, 18 phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ          | 1768/QĐ-UBND ngày 30/10/2023                              | 980.618   | Triển khai đầu tư xây dựng                                                                                                                                              | CTCP Đầu tư MST và CTCP Đầu tư và xây dựng VINA2         | Sở Xây dựng | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ                         | 13 | 17 | 20 | 13 | 17 | 20 | 100 |
| 8 | Khu dân cư, dịch vụ thương mại tại xã Thanh Hưng, xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (Khu A) | 626/QĐ-UBND ngày 12/4/2023                                | 1,977.455 | Giao đất thực địa giai đoạn I, GPMB GĐ II; Khởi công, Đầu tư xây dựng giai đoạn I của dự án                                                                             | Công ty Cổ phần DancoLand                                | Sở Xây dựng | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ                         | 1  | 5  | 9  | 10 | 10 | 20 | 55  |

|    |                                                                                                                                      |                                                                                                           |         |                                                                                                                                                                    |                                             |                              |                                                                                                      |    |    |    |    |    |    |     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|----|----|-----|
| 9  | Dự án Khu dân cư đô thị Mường Thanh A, thành phố Điện Biên Phủ                                                                       | 1772/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                                              | 613.874 | Hoàn thành công tác GPMB; Giao đất cho thuê đất, tính tiền sử dụng đất; đầu tư xây dựng dự án                                                                      | Cty CP Thương mại & Xây dựng NQT Quảng Ninh | Sở Xây dựng                  | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ                                | 5  | 10 | 15 | 20 | 20 | 30 | 100 |
| 10 | Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên tuyến Đường Thanh Minh - đổi Độc Lập (Đường vành đai phía Bắc) thành phố Điện Biên Phủ | 2118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023                                                                              | 835.867 | Hoàn thiện công tác GPMB; Đầu tư xây dựng                                                                                                                          | Nhà đầu tư                                  | Sở Xây dựng                  | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ                                | 5  | 15 | 30 | 13 | 27 | 30 | 120 |
| 11 | Khu dân cư đô thị Him Lam 7, thành phố Điện Biên Phủ                                                                                 | 1672/QĐ-UBND ngày 12/10/2023                                                                              | 77.421  | Hoàn thiện công tác GPMB; Thi công xây dựng                                                                                                                        | Nhà đầu tư                                  | Sở Xây dựng                  | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ                                | 1  | 2  | 2  | 2  | 4  | 4  | 15  |
| 12 | Khu đô thị mới Bắc Hồng Cúm (Khu A), tỉnh Điện Biên                                                                                  | 1682/QĐ-UBND ngày 30/7/2025; QĐ chấp thuận NĐT số 150/QĐ-UBND ngày 24/1/2026                              | 988.592 | Hoàn thiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; các thủ tục đất đai, lập và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, cấp phép xây dựng. Khởi công ngày 15/8/2026 | Nhà đầu tư                                  | Sở Xây dựng                  | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Mường Thanh và các cơ quan, đơn vị liên quan | 5  | 10 | 15 | 20 | 20 | 30 | 100 |
| 13 | Tổ hợp giáo dục Điện Biên                                                                                                            | QĐ phê duyệt thông tin số 421/QĐ-UBND ngày 12/3/2026; Quyết định điều chỉnh số 771/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 | 648.526 | Thực hiện giải phóng mặt bằng; Giao đất cho thuê đất                                                                                                               | Nhà đầu tư                                  | Sở Xây dựng                  | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Điện Biên Phủ                                |    | 20 | 40 | 20 | 20 | 30 | 130 |
| 14 | Nhà máy rác Điện Biên                                                                                                                |                                                                                                           | 237.500 | Thực hiện giải phóng mặt bằng; Giao đất cho thuê đất; triển khai thi công                                                                                          | Nhà đầu tư                                  | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND xã                                                                   | 10 | 20 | 30 | 10 | 10 | 10 | 90  |
| 15 | Khu tâm linh văn hóa Mường Ảng                                                                                                       |                                                                                                           | 99.300  | Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng                                                                                                                                | XHHH                                        | UBND xã Mường Ảng            | Sở Tài chính, Sở Xây dựng                                                                            | 10 | 10 | 10 | 10 | 20 | 20 | 80  |

[illegible]

**CÁC DỰ ÁN NGOÀI NGÂN SÁCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG QUÝ III VÀ CẢ NĂM 2026 LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG**  
(Kèm theo Kế hoạch số 121 -KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



PHỤ LỤC 03B

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| TT | Danh mục các công trình, dự án                      | Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt thông tin dự án                                                                                           | Tổng mức đầu tư/Vốn đăng ký | Công việc thực hiện                                                                                                                                                 | Đơn vị thực hiện (Nhà đầu tư)                                   | Cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp | Cơ quan phối hợp                                                                               | Quý III<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) |         |         | Quý III<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) |          |          | Cả năm 2026<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) ĐVT: triệu đồng | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|---------|-----------------------------------------------------------|----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                                                     |                                                                                                                                                              |                             |                                                                                                                                                                     |                                                                 |                                             |                                                                                                | Tháng 7                                                   | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10                                                  | Tháng 11 | Tháng 12 |                                                                               |         |
| I  | <b>NHÓM DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THI CÔNG XÂY DỰNG</b> |                                                                                                                                                              | 2,105.3                     |                                                                                                                                                                     |                                                                 |                                             |                                                                                                | 110.0                                                     | 436.0   | 778.0   | 594.5                                                     | 811.5    | 1,471.5  | 4,201.5                                                                       |         |
| 1  | Thủy điện Mường Tùng (13MW)                         | số 77/QĐ-UBND ngày 30/01/2018; số 337/QĐ-UBND ngày 22/4/2019; số 1240/QĐUBND ngày 14/7/2021; số 2099/QĐ-UBND ngày 20/11/2024; số 1327/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 | 452.370                     | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ.                                | Công ty cổ phần Điện Mường Tùng                                 | Sở Công Thương                              | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Mường Tùng và các đơn vị liên quan         | 5.0                                                       | 12.0    | 20.0    | 10.0                                                      | 15.0     | 17.0     | 79.0                                                                          |         |
| 2  | Thủy điện Ma Thi Hồ (11MW)                          | 1839/QĐ-UBND ngày 11/10/2021; 404/QĐ-UBND ngày 24/02/2025                                                                                                    | 365.000                     | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ                                 | Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6                        | Sở Công Thương                              | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Na Sang và các đơn vị liên quan            | 20.0                                                      | 27.0    | 33.0    | 25.0                                                      | 34.0     | 41.0     | 180.0                                                                         |         |
| 3  | Thủy điện Chiềng Sơ 2 (16MW)                        | 1840/QĐ-UBND ngày 11/10/2021; 500/QĐ-UBND ngày 13/3/2024                                                                                                     | 541.836                     | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ                                 | Công ty cổ phần Đầu tư năng lượng xây dựng thương mại Hoàng Sơn | Sở Công Thương                              | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Mường Luán và các đơn vị liên quan         | 8.0                                                       | 10.0    | 12.0    | 13.0                                                      | 17.0     | 20.0     | 80.0                                                                          |         |
| 4  | Thủy điện Nậm Mực 2 (11MW)                          | 778/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; số 1566/QĐ-UBND ngày 25/9/2023; số 2129/QĐ-UBND ngày 25/12/2023; số 2490/QĐ-UBND ngày 23/10/2025                                 | 381.826                     | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ                                 | Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mực 2                             | Sở Công Thương                              | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Nậm Nèn và các đơn vị liên quan            | 7.5                                                       | 9.5     | 12.0    | 10.0                                                      | 13.5     | 16.5     | 69.0                                                                          |         |
| 5  | Thủy điện Na Phát (10MW)                            | 540/QĐ-UBND ngày 16/6/2017; 834/QĐ-UBND ngày 06/9/2019; số 1756/QĐ-UBND ngày 07/8/2025                                                                       | 364.275                     | Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục theo kế hoạch, hoàn thành khối lượng xây lắp và giải ngân vốn đầu tư theo tiến độ. Tháng 9/2026 tổ chức khởi công | Công ty Cổ phần Power Electric                                  | Sở Công Thương                              | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Na Son, Xã Xa Dung và các đơn vị liên quan | 4.5                                                       | 6.5     | 7.0     | 3.5                                                       | 5.0      | 7.0      | 33.5                                                                          |         |

|    |                                                                                           |                                                                                       |           |                                                                                                                      |                                                                                              |                |                                                                                                                                                                |      |       |       |       |       |       |       |                                  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|----------------------------------|
| II | CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM KHẨN TRƯƠNG ĐÁY NHANH TIẾN ĐỘ HOÀN THIỆN THỦ TỤC, KHỞI CÔNG XÂY DỰNG |                                                                                       | 9,324.033 |                                                                                                                      |                                                                                              |                |                                                                                                                                                                |      |       |       |       |       |       | 0.0   |                                  |
| 1  | Nhà máy điện mặt trời Hồ Pá Khoang tích hợp pin lưu trữ (73MW)                            | 814/QĐ-UBND ngày 17/4/2026                                                            | 1,473.949 | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án               | Công ty cổ phần điện mặt trời nổi SD Điện Biên; Công ty cổ phần đầu tư xây dựng SD Việt Nam. | Sở Công Thương | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã Mường Phăng và các đơn vị liên quan                                                                    | 30.0 | 110.0 | 180.0 | 120.0 | 165.0 | 335.0 | 940.0 | Tổ chức khởi công ngày 15/8/2026 |
| 2  | Nhà máy điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu (72MW)                              | 930/QĐ-UBND ngày 05/3/2026                                                            | 1,454.046 | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án               | Công ty cổ phần Điện mặt trời Điện Biên                                                      | Sở Công Thương | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã Pa Ham, Sính Phình, Nậm Nền, Phường Mường Lay và các đơn vị liên quan                                  | 35.0 | 95.0  | 200.0 | 100.0 | 150.0 | 350.0 | 930.0 | Tổ chức khởi công ngày 13/8/2026 |
| 3  | Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1 (300MW)                                                 | 407/QĐ-UBND ngày 10/3/2026                                                            | 5,371.273 | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án               | Công ty cổ phần Năng lượng Vincenergo (Công ty TNHH VinEnergco Điện Biên 1)                  | Sở Công Thương | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường: Điện Biên Phủ và các xã Mường Ảng, Pu Nhi, Na Son, Mường Lạn, Xa Dung và các đơn vị liên quan | 0.0  | 100.0 | 250.0 | 150.0 | 200.0 | 250.0 | 950.0 | Tổ chức khởi công ngày 02/9/2026 |
| 4  | Thủy điện Lê Bầu 3 (12,8MW)                                                               | 408/QĐ-UBND ngày 10/3/2026                                                            | 486.333   | Đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoàn thiện các thủ tục đầu tư để khởi công dự án ngày 15/8/2026. | Công ty cổ phần Trường Thịnh                                                                 | Sở Công Thương | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã: Pa Ham, Nậm Nền và các đơn vị liên quan                                                               | 0.0  | 41.0  | 29.0  | 13.0  | 17.0  | 20.0  | 120.0 | Tổ chức khởi công ngày 02/9/2026 |
| 5  | Thủy điện Sông Mã 1 (14MW)                                                                | 318/QĐ-UBND ngày 14/4/2017; 750/QĐ-UBND ngày 25/8/2017; số 677/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 | 538.432   | Đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoàn thiện các thủ tục đầu tư                                    | Công ty cổ phần Thủy điện Sông Mã 1                                                          | Sở Công Thương | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã: Mường Nhà, Phình Giàng, Tia Dình và các đơn vị liên quan                                              | 0.0  | 25.0  | 35.0  | 30.0  | 45.0  | 65.0  | 200.0 | Tổ chức khởi công ngày 02/9/2026 |
| 6  | Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ                                                          |                                                                                       | 4,375.00  | Đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoàn thiện các thủ tục đầu tư                                    |                                                                                              | Sở Công Thương | Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã: Nậm Pồ, Phình Giàng, Tia Dình và các đơn vị liên quan                                                 | 0.0  | 0.0   | 0.0   | 120.0 | 150.0 | 350.0 | 620.0 | Tổ chức khởi công quý IV/2026    |

**PHỤ LỤC 03B**  
**CÁC DỰ ÁN NGOÀI NGÂN SÁCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG QUÝ III VÀ CẢ NĂM 2026 LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**  
(Kèm theo Kế hoạch số 121 -KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| TT | Danh mục các công trình, dự án                                                                   | Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt thông tin dự án | Tổng mức đầu tư/Vốn đăng ký (Tỷ đồng) | Công việc thực hiện                                                                                                                                            | Đơn vị thực hiện (Nhà đầu tư) | Cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp | Cơ quan phối hợp                                                         | Quý III<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) |         |         | Quý III<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) |          |          | Cả năm 2026<br>(Dự ước khối lượng, giá trị thực hiện, đầu tư) | Ghi chú                         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|---------|-----------------------------------------------------------|----------|----------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|
|    |                                                                                                  |                                                                    |                                       |                                                                                                                                                                |                               |                                             |                                                                          | Tháng 7                                                   | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10                                                  | Tháng 11 | Tháng 12 |                                                               |                                 |
|    | <b>CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM KHẨN TRƯƠNG ĐÁP NHANH TIẾN ĐỘ HOÀN THIỆN THỦ TỤC, KHỞI CÔNG XÂY DỰNG</b> |                                                                    | 2,133.0                               |                                                                                                                                                                |                               |                                             |                                                                          | 5.0                                                       | 20.0    | 43.0    | 32.0                                                      | 63.0     | 145.0    | 308.00                                                        |                                 |
| 1  | Trang trại chăn nuôi heo tại xã Mường Pôn, tỉnh Điện Biên.                                       | 838/QĐ-UBND ngày 18/4/2026                                         | 75.0                                  | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án                                                         |                               | Sở Nông nghiệp và Môi trường                | Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND các xã Mường Pôn và các đơn vị liên quan | 5.0                                                       | 10.0    | 10.0    | 10.0                                                      | 20.0     | 20.0     | 75.00                                                         | Đang thi công                   |
| 2  | Dự án trại chăn nuôi lợn Na Hươn, xã Núa Ngam                                                    | 1523/QĐ-UBND ngày 10/7/2026                                        | 98.0                                  | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án ngày 15/9/2026 và hoàn thành dự án trước tết Dương lịch |                               | Sở Nông nghiệp và Môi trường                | Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND các xã Núa Ngam và các đơn vị liên quan  |                                                           | 5.0     | 13.0    | 10.0                                                      | 20.0     | 20.0     | 68.00                                                         | Tổ chức khởi công tháng 9/2026  |
| 3  | Dự án trại chăn nuôi lợn Pa Kín, xã Núa Ngam                                                     |                                                                    | 180.0                                 | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án                                                         |                               | Sở Nông nghiệp và Môi trường                | Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND các xã Núa Ngam và các đơn vị liên quan  | -                                                         |         | 15.0    | 10.0                                                      | 20.0     | 20.0     | 65.00                                                         | Tổ chức khởi công tháng 9/2026  |
| 4  | Dự án chăn nuôi lợn Na Tông, xã Núa Ngam                                                         |                                                                    | 300.0                                 | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án                                                         |                               | Sở Nông nghiệp và Môi trường                | Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND các xã Núa Ngam và các đơn vị liên quan  | -                                                         | -       | -       | -                                                         | -        | 20.0     | 20.00                                                         | Tổ chức khởi công tháng 12/2026 |
| 5  | Dự án chăn nuôi lợn Công Bình, xã Núa Ngam                                                       |                                                                    | 960.0                                 | Tập trung hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế, và các điều kiện để khởi công dự án                                                         |                               | Sở Nông nghiệp và Môi trường                | Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND các xã Núa Ngam và các đơn vị liên quan  | -                                                         | -       | -       | -                                                         | -        | 20.0     | 20.00                                                         | Tổ chức khởi công tháng 12/2026 |

[illegible]